

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2022
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Biên
2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị L, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T 2, phường A, thị xã M, tỉnh H; Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện L1, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: Anh Mạc Văn V, sinh năm 1986, Địa chỉ: Khu dân cư T 2, phường A, thị xã M, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chu Thị L trình bày:

Chị và anh Mạc Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh H vào ngày 07/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ra ở riêng tại khu dân cư T 2, phường A, thị xã M, tỉnh H, từ năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do anh V chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh V không thay đổi mà còn chơi bời nhiều hơn khiến cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Từ đầu năm 2020, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại huyện L1, tỉnh G sinh sống, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị L xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Mạc Đăng K, sinh ngày 18/12/2014, từ thời điểm vợ chồng mâu thuẫn, con chung do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không hề quan tâm và có trách nhiệm gì đối với con chung. Hiện cháu Khôi vẫn đang ở cùng chị L, về chỗ ở và điều kiện nuôi dưỡng đối với con chung được đảm bảo. Do vậy, khi ly hôn, chị L xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh Mạc Văn V, tuy nhiên anh V đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, giữa chị L, anh V, cụ thể như sau:

- Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ anh V) thì được bà Tâm cho biết: Anh V và chị L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh V, chị L được gia đình cho ra ở riêng tại KDC T, phường A, thị xã M, tỉnh H. Theo bà được biết cuộc sống chung giữa anh V, chị L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn nợ nần dẫn đến bất đồng về quan điểm. Từ năm 2019, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị L ở huyện L1, tỉnh G sinh sống, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Gần đây, chị L có về thông báo chị L có đơn xin ly hôn với anh Mạc Văn V. Quan điểm của bà là việc chị L ly hôn anh V tùy thuộc quyết định của chị L, anh V.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Chu Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh V. Bị đơn anh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy

định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có mặt là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa Chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh V. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định giữa chị L, anh V đã xảy ra mâu thuẫn. Thực tế từ năm 2019, chị L, anh V mỗi người một nơi không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh V là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cho Chị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung cháu Mạc Đăng K – sinh ngày 18/12/2014, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng với chị. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Mạc Văn V cư trú tại phường A, thị xã M, tỉnh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H. Anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L, anh V kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 huyện M (nay là thị xã M), tỉnh H vào ngày 07/01/2014 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì thấy về thời gian chị L, anh V sống ly thân, mỗi người một nơi chấm dứt với nhau về quan hệ tình cảm, là phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh V đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự thương yêu, quý trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ: Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh V kéo dài, mỗi người sống một nơi từ năm 2019 cho đến nay, cả hai đều không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh V, thông báo hòa giải tuy

nhiên anh V đều vắng mặt không có lý do điều đó thể hiện ý thức bỏ mặc không mong muốn được đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, chị L giữ yêu cầu xin ly hôn với anh V. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh V là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh V có 01 con chung là cháu Mạc Đăng K – sinh ngày 18/12/2014. Khi ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của chị L thì thấy: Kể từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tỉnh G sinh sống, con chung cháu Mạc Đăng K do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L chứng minh về công việc, thu nhập ổn định cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung hiện nay được đảm bảo. Bị đơn anh Mạc Văn V đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần thiết giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cháu Mạc Đăng K là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng với chị.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** Điều 51, 56; 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ:** điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Chu Thị L được ly hôn với anh Mạc Văn V.

- *Về nuôi dưỡng con chung:* Giao cho chị Chu Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Mạc Đăng K, sinh ngày 18/12/2014. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 12/2022 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

2. Về án phí: Chị Chu Thị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh H theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001493 ngày 24/10/2022. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã M;
- Chi cục thi hành án DS thị xã M;
- UBND xã H1, thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh